

Thanh Phú, ngày 11 tháng 6 năm 2019

Số: 259/2019/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 194/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2019 giữa:

- **Nguyên đơn:** chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1972, địa chỉ: ấp TQ, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bến Tre.

- **Bị đơn:** anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1967, địa chỉ: ấp TA, xã B, huyện P, tỉnh Bến Tre.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam, Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách huyện P; địa chỉ: Trần Thị Tiết, khu phố 3, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bến Tre. Do ông Huỳnh Hiếu T, chức vụ: Giám đốc Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện P làm đại diện theo pháp luật.

2. Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông Thôn Việt Nam chi nhánh P; địa chỉ: đường Trần Thị Tiết, khu phố 3, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bến Tre. Do ông Trần Văn Bé H, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông Thôn Việt Nam chi nhánh P làm đại diện theo pháp luật.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 84 và Điều 85 và Điều 115 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 6 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 6 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn K.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* **Về hôn nhân:** chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn K thuận tình ly hôn. Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn K không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ, chồng khi ly hôn.

* **Về con chung:** do các con chung Nguyễn Văn C, sinh ngày 07/6/19XX và Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 25/12/19XX đã trưởng thành nên anh Nguyễn Văn K và chị Nguyễn Thị T không yêu cầu giải quyết.

*** Về tài sản chung:** chị Nguyễn Thị T đồng ý giao chiếc xe hiệu Wave RSX có biển số 71C3-03126 cho anh Nguyễn Văn K tiếp tục sử dụng. Anh Nguyễn Văn K có nghĩa vụ chia cho chị Nguyễn Thị T $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe là 5.000.000 đồng. Việc giao xe, giấy tờ xe và tiền được thực hiện trong cùng một thời gian là ngày 30/7/2019.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

*** Về nợ chung:**

- Vào ngày 30/7/2019 chị Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện P số tiền là 40.556.274 đồng, (trong đó nợ gốc là 40.000.000 đồng, nợ lãi là 556.274 đồng). Và nợ lãi phát sinh từ ngày 01/6/2019 đến ngày 30/7/2019 là 0,5%/tháng, nếu chị Nguyễn Thị T không trả nợ đúng hạn thì chị Nguyễn Thị T phải trả lãi quá hạn là 0,75%/tháng như hợp đồng đã ký kết.

- Anh Nguyễn Văn K và chị Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam, Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách huyện P số tiền là 53.648.000 đồng (trong đó nợ gốc là 53.500.000 đồng và nợ lãi là 148.155 đồng). Và nợ lãi phát sinh từ ngày 01/6/2019 đến ngày 30/9/2019 là 0,55%/tháng, nếu đến hạn mà anh Nguyễn Văn K không trả nợ đúng hạn thì anh Nguyễn Văn K phải trả lãi quá hạn là 0,715%/tháng như hợp đồng đã ký kết, cụ thể:

+ Vào ngày 30/7/2019 chị Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam, Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách huyện P số tiền nợ gốc 13.500.000 đồng. Và nợ lãi phát sinh từ ngày 01/6/2019 đến ngày 30/7/2019 là 0,55%/tháng, nếu chị Nguyễn Thị T không trả nợ đúng hạn thì chị Nguyễn Thị T phải trả lãi quá hạn là 0,715%/tháng như hợp đồng đã ký kết.

+ Vào ngày 30/9/2019 anh Nguyễn Văn K có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam, Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện P số tiền 40.185.155 đồng (trong đó nợ gốc là 40.000.000 đồng và nợ lãi là 185.155 đồng). Và nợ lãi phát sinh từ ngày 01/6/2019 đến ngày 30/9/2019 là 0,55%/tháng, nếu chị Nguyễn Thị T không trả nợ đúng hạn thì chị Nguyễn Thị T phải trả lãi quá hạn là 0,715%/tháng như hợp đồng đã ký kết.

*** Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:**

- Chị Nguyễn Thị T phải nộp là 75.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001615 ngày 14 tháng 3 năm 2019 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Phú. Chị Nguyễn Thị T được Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Phú hoàn trả số tiền 225.000 đồng.

- Anh Nguyễn Văn K phải nộp là 75.000 đồng.

*** Về án phí dân sự sơ thẩm:**

- Chị Nguyễn Thị T tự nguyện nộp là 1.479.406 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001616 ngày 14 tháng 3 năm 2019 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú. Chị Nguyễn Thị T còn phải nộp là 1.179.406 đồng.

- Anh Nguyễn Văn K tự nguyện nộp là 1.128.704 đồng.

- Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông Thôn Việt Nam chi nhánh P được Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.007.000 đồng theo biên lai thu số 0001739 ngày 02/4/2019.

- Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam, Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách huyện P được miễn nộp án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- THADS huyện;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Vân